

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 04 THÁNG 01 NĂM 2016
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 (kỳ kế toán đầu tiên kể từ khi Tổng Công ty chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Phạm Duy Hùng	Chủ tịch
2. Ông Nguyễn Thanh Bình	Ủy viên
3. Ông Lê Anh Dũng	Ủy viên
4. Bà Phạm Thị Tâm	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 30/06/2016)
5. Ông Vũ Trọng Tuấn	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 30/06/2016)
6. Ông Nguyễn Tiên Thanh	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 30/06/2016)
7. Ông Nguyễn Tất Thắng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 30/06/2016)

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Nguyễn Thanh Bình	Tổng Giám đốc
--------------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thanh Bình

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 189.03/2017/BCKT- IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:
Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ Phần

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần, được lập ngày 31 tháng 03 năm 2017, từ trang 6 đến trang 44 bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin nhấn mạnh rằng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đã ghi nhận giá trị khoản mục vốn góp của chủ sở hữu vào thời điểm bắt đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo số vốn đã góp đủ theo Đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty. Tuy nhiên, biên bản xác định vốn Nhà nước giữa Nhà nước và Tổng Công ty chưa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.



Nguyễn Như Phương
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2021-2013-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và
Tư vấn Tài chính Quốc tế (IFC)
Ngày 31 tháng 03 năm 2017

Tạ Thị Hải Ninh
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1613-2015-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B01 - DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	04/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.559.107.750.059	324.341.270.633
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	78.920.807.008	189.772.793.809
1. Tiền	111		77.220.807.008	189.772.793.809
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.700.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.441.034.851.172	80.439.447.785
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	329.560.132.195	19.298.988.367
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.263.623.324	791.578.947
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.3	3.955.795.140.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	160.741.343.163	56.104.354.419
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(6.325.387.510)	-
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	4.244.526.052
III. Hàng tồn kho	140		30.398.032.064	52.122.171.213
1. Hàng tồn kho	141	V.6	30.398.032.064	52.122.171.213
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.754.059.815	2.006.857.826
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13a	48.435.519	404.659.240
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.565.341.105	1.385.490.757
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.7a	140.283.191	216.707.829
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		883.649.880.669	479.139.446.638
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		151.212.270.929	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	151.212.270.929	-
II. Tài sản cố định	220		56.498.441.056	60.152.878.838
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	53.998.303.080	57.432.520.600
- Nguyên giá	222		131.513.400.730	129.278.838.912
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(77.515.097.650)	(71.846.318.312)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	2.500.137.976	2.720.358.238
- Nguyên giá	228		3.853.926.876	3.916.782.058
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.353.788.900)	(1.196.423.820)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.429.357.810	4.257.732.083
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	4.429.357.810	4.257.732.083
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		653.802.829.643	395.044.642.729
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.11	277.318.524.390	292.566.729.957
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12	376.484.305.253	102.477.912.772
V. Tài sản dài hạn khác	260		17.706.981.231	19.684.192.988
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13b	17.706.981.231	19.684.192.988
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.442.757.630.728	803.480.717.271

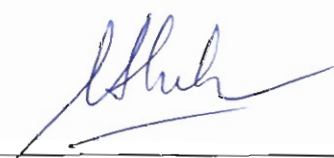
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B01 - DN/HN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	04/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.655.933.193.077	94.929.136.621
I. Nợ ngắn hạn	310		4.651.943.839.101	94.929.136.621
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	3.620.270.709.116	10.935.859.926
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	201.127.435.248	188.501.183
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.7b	6.417.335.298	15.590.913.759
4. Phải trả người lao động	314		10.172.148.116	2.657.330.289
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	53.544.144.403	516.727.633
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.321.225	2.321.225
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	720.409.745.695	52.638.177.295
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	40.000.000.000	4.885.892.788
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	7.513.412.523
II. Nợ dài hạn	330		3.989.353.976	-
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.19	3.548.800.000	-
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		440.553.976	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		786.824.437.651	708.551.580.650
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	786.824.437.651	708.551.580.650
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		713.000.000.000	633.738.138.626
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	22.421.127.209
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	16.323.004.781
4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	186.517.990
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		73.372.556.031	35.277.501.803
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		30.971.741.817	14.146.797.494
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		42.400.814.214	21.130.704.309
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		451.881.620	605.290.241
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.442.757.630.728	803.480.717.271



Nguyễn Thị Linh
Người lập
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017



Nguyễn Thị Linh
Kế toán trưởng





Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

MÀU SỐ B02 - DN/HN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.147.233.516.397
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.147.233.516.397
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	4.043.862.436.411
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		103.371.079.986
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	123.083.976.713
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	145.998.869.307
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.127.650.696
8. Lãi/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		21.095.998.669
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	7.826.911.620
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	45.078.487.022
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		48.646.787.419
12. Thu nhập khác	31	VI.7	1.287.476.252
13. Chi phí khác	32	VI.8	1.584.821.551
14. Lợi nhuận khác	40		(297.345.299)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		48.349.442.120
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9a	5.661.482.551
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9b	440.553.976
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		42.247.405.593
- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		42.400.814.214
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(153.408.621)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	595
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	595


 Nguyễn Thị Linh
 Người lập
 Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017


 Nguyễn Thị Linh
 Kế toán trưởng



 Nguyễn Thanh Bình
 Tổng Giám đốc

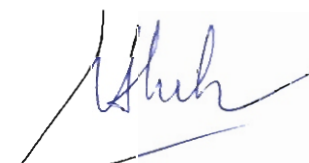
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)


Cho kỳ hoạt động từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B03 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	39.114.363.785
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	5.938.999.600
Các khoản dự phòng	03	6.325.387.510
(Lãi)/Lỗ CLTG hồi đoài do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(692.148.944)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(134.101.426.779)
Chi phí lãi vay	06	9.127.650.696
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(74.287.174.132)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(509.865.929.342)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	21.724.139.149
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	4.563.670.759.849
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	2.333.435.478
Tiền lãi vay đã trả	14	(9.127.650.696)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.500.000.000)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(3.225.743.099)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.988.721.837.207
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.456.187.545)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	10.000.000
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(3.955.795.140.000)
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(274.382.606.613)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	47.973.020.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	49.962.982.938
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.134.687.931.220)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Tiền thu từ đi vay	33	122.789.818.909
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(87.675.711.697)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	35.114.107.212
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(110.851.986.801)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	189.772.793.809
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	78.920.807.008


 Nguyễn Thị Linh
 Người lập
 Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017


 Nguyễn Thị Linh
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Thanh Bình
 Tổng Giám đốc

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần tiền thân là Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH MTV. Tổng Công ty được thành lập theo Quyết định số 66/2003/QĐ/BNN-TCCB ngày 11 tháng 6 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0113543 ngày 04 tháng 7 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 400.000.000.000 đồng.

Theo Quyết định số 636/QĐ-TTg ngày 13 tháng 05 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ, Tổng Công ty được chuyển sang hình thức công ty cổ phần. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101385740 thay đổi lần 2 ngày 04 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty chính thức đổi tên thành Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần. Vốn điều lệ của Tổng Công ty sau khi chuyển đổi mô hình sang công ty cổ phần là 713.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty bao gồm:

1. Công ty Giống Rau quả Trung Ương - Chi nhánh Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần
2. Công ty Chế biến Điều và Nông sản Vegetexco - Chi nhánh Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần

Tổng Công ty có một công ty con, chi tiết như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH HTV Chipsgood - Vegetexco	Hung Yên	90,00%	Sản xuất, chế biến nông sản

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 302 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Sản xuất, kinh doanh giống cây nông nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi;
- Trồng rừng và khai thác lâm sản khai thác trừ gỗ;

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Hoạt động dịch vụ nông nghiệp;
- Khai thác, nuôi trồng, sản xuất giống thủy sản;
- Sản xuất, chế biến, bảo quản thực phẩm, đồ uống, thịt, sản phẩm từ thịt, hàng hóa nông sản;
- Sản xuất, kinh doanh, chế biến hàng nông sản;
- Sản xuất sản phẩm từ nhựa, thủy tinh, vật liệu từ đất sét, máy móc nông nghiệp, máy chế biến thực phẩm;
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng rau quả, nông sản phẩm, vật tư thiết bị.
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin; và
- Kinh doanh vật liệu, thiết bị, máy móc xây dựng, điện tử viễn thông, tin học, trang thiết bị nội thất, vật tư hóa chất ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất (trừ hóa chất Nhà nước cấm).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Kỳ hoạt động từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là kỳ hoạt động đầu tiên của Tổng công ty dưới hình thức công ty cổ phần.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Tổng Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT - BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2016. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê đất, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng. giá trị quyền sử dụng đất, lợi thế thương mại. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian thuê đất đối với giá trị quyền sử dụng đất và trong thời gian không quá ba năm theo các quy định kế toán hiện hành đối với các chi phí trả trước dài hạn khác. Chi phí thuê đất được phân bổ theo thời gian thuê đất.

Lợi thế thương mại phát sinh từ khi Công ty thực hiện chuyển đổi hình thức kinh doanh từ mô hình công ty nhà nước sang công ty cổ phần. Lợi thế thương mại phát sinh được phân bổ trong thời gian là 3 năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đánh giá lại tài sản được ghi nhận theo giá trị định giá của các tổ chức định giá chuyên nghiệp xác định.

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 45
Máy móc thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn 10 năm, phần mềm máy vi tính và các tài sản cố định vô hình khác.

Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất.

Giá trị phần mềm máy vi tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, khấu hao được thể hiện theo phương pháp đường thẳng.

Giá trị tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	10
Phần mềm máy tính	03

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là số lợi nhuận lũy kế của kết quả hoạt động kinh doanh chưa quyết toán hoặc chưa được phân phối lại tại ngày lập báo cáo. Đại hội đồng cổ đông sẽ phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất và thực hiện phân phối lợi nhuận để trích lập các quỹ, chia cổ tức theo tỷ lệ góp vốn hoặc để lại bổ sung vốn kinh doanh phù hợp với các quy định pháp lý hiện hành, theo Điều lệ Tổng Công ty và các Nghị quyết được thông qua tại Đại hội cổ đông.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bắt động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ hoạt động được trình bày tại thuyết minh số VII.2

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ hoạt động. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	04/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	75.507.765	2.657.513.885
Tiền gửi ngân hàng	77.145.299.243	187.115.279.924
Các khoản tương đương tiền (i)	1.700.000.000	-
Cộng	78.920.807.008	189.772.793.809

(i) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thăng Long với lãi suất từ 4,2%-4,8%/năm.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016	04/01/2016
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty CP Kinh doanh và Thương mại Thịnh Phát	87.529.895.534	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủ công mỹ nghệ	74.267.433.704	-
Công ty TNHH T&T Hưng Yên	14.201.102.397	-
Công ty CP Đầu tư Kinh doanh và Thương mại Quang Vinh	48.680.754.256	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hoàn Kiếm	74.597.587.230	-
Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	26.473.000.000	-
Barrow Lane Ballard Ltd.	-	2.781.555.000
C.G Hacking & Sons Ltd.	-	2.710.837.500
Scalzo Food Industries	-	5.107.375.000
Các đối tượng khác	3.810.359.074	8.699.220.867
Cộng	329.560.132.195	19.298.988.367
b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem tại thuyết minh VII.2)	88.468.536.101	-

3. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2016	04/01/2016
	VND	VND
a. Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T (i)	3.495.795.140.000	-
Công ty Cổ phần XNK Thủ Công Mỹ Nghệ (ii)	460.000.000.000	-
Cộng	3.955.795.140.000	-
b. Phải thu về cho vay là các bên liên quan (Xem tại thuyết minh VII.2)	3.955.795.140.000	-

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3. Phải thu về cho vay ngắn hạn (Tiếp theo)

- (i) Khoản tiền cho vay ngắn hạn đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T theo Hợp đồng hợp tác số 06/2016/RQNS - TT ngày 01/03/2016 giữa Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần và Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T. Theo đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T được phép sử dụng một phần vốn nhàn rỗi của Tổng Công ty theo điều khoản thỏa thuận trên Hợp đồng. Lãi suất sử dụng vốn dao động từ 8% - 9%/năm.
- (ii) Khoản tiền cho vay với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ Nghệ theo Hợp đồng hợp tác số 2505-2016/VEG-ART/61K ngày 25/05/2016. Theo đó, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủ Công Mỹ Nghệ được phép sử dụng một phần vốn nhàn rỗi của Tổng Công ty theo điều khoản thỏa thuận trên Hợp đồng. Lãi suất sử dụng vốn là 9%/năm.

4. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

	31/12/2016	04/01/2016
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn khác		
Tạm ứng	940.573.673	481.257.640
Ký cược ký quỹ ngắn hạn	28.330.523.690	90.572.340
Phải thu ngắn hạn khác	131.470.245.800	55.532.524.439
<i>Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn (Phải thu về hoạt động phục vụ hoạt động dự trữ quốc gia)</i>	384.505.068	1.040.101.428
<i>Công ty Cổ phần tập đoàn T&T (i)</i>	89.584.617.236	-
<i>Công ty CP XNK Thủ công Mỹ Nghệ (ii)</i>	7.590.000.000	-
<i>Công ty CP In và Bao bì Mỹ Châu (iii)</i>	10.905.244.526	48.114.328.732
<i>Các đối tượng khác</i>	23.005.878.970	6.378.094.279
Cộng	160.741.343.163	56.104.354.419
c. Phải thu khác là các bên liên quan <i>(Xem tại thuyết minh VII.2)</i>	106.103.405.497	15.753.676.261
b. Phải thu dài hạn khác		
Ký cược ký quỹ dài hạn	151.212.270.929	-
Cộng	151.212.270.929	-

(i) Đây là các khoản phải thu các khoản lãi cho vay tương ứng của Hợp đồng hợp tác số 06/2016/RQNS - TT ngày 01/03/2016 giữa Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần và Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T.

(ii) Đây là các khoản phải thu các khoản lãi cho vay tương ứng Hợp đồng hợp tác số 2505-2016/VEG-ART/61K ngày 25/05/2016 giữa Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủ Công Mỹ Nghệ.

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 2, Phố Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016
đến ngày 30/06/2016

MÃ SỐ B09 – DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. Nợ xấu

	31/12/2016		04/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nhà máy Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Bắc Giang	898.008.849	898.008.849	898.008.849	-
Công ty TNHH Hương Anh	479.948.299	479.948.299	479.948.299	-
Công ty Liên Doanh LUYECO	1.370.244.949	1.370.244.949	1.370.244.949	-
Công ty TNHH Lê Quốc	234.029.172	234.029.172	234.029.172	-
Công ty Cổ phần thực phẩm Xuất khẩu Hưng Yên	572.549.294	572.549.294	572.549.294	-
Công ty TNHH Việt Nga	478.336.693	478.336.693	478.336.693	-
Công ty TNHH Thành Yên	588.012.703	588.012.703	588.012.703	-
Công ty TNHH Nông Sản và Thực phẩm Hà Nội	474.340.580	474.340.580	474.340.580	-
Các đối tượng khác	1.229.916.971	1.229.916.971	1.229.916.971	-
Cộng	6.325.387.510	6.325.387.510	6.325.387.510	-
			Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị có thể thu hồi VND
			-	-

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. Hàng tồn kho

	31/12/2016		04/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	13.232.917.015	-	13.225.272.688	-
Công cụ, dụng cụ	1.305.376.675	-	1.481.622.551	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.405.426.912	-	6.511.306.504	-
Thành phẩm	2.565.561.297	-	14.555.139.928	-
Hàng hoá	8.888.750.165	-	16.348.829.542	-
Cộng	30.398.032.064	-	52.122.171.213	-

7. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	31/12/2016		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp/ bù trừ trong năm		04/01/2016
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước							
Thuế GTGT	15.709.824	-	1.497.236	17.207.060	-	-	-
Thuế nhà thầu	102.856.063	-	-	-	-	102.856.063	-
Thuế Thu nhập cá nhân	21.717.304	-	-	21.717.304	-	-	-
Tiền thuế đất	-	-	367.691.766	253.840.000	-	113.851.766	-
Cộng	140.283.191	-	369.189.002	292.764.364	-	216.707.829	-
b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước							
Thuế giá trị gia tăng	15.268.410	-	387.864.543	373.353.178	-	757.045	-
Thuế TNĐN	3.161.482.551	-	5.661.482.551	2.500.000.000	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	139.393.954.719	139.393.954.719	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	30.791.666	-	1.160.643.881	1.789.128.372	-	659.276.157	-
Tiền thuế đất	975.024.288	-	5.074.343.442	6.257.040.981	-	2.157.721.827	-
Các loại phí, lệ phí, phải nộp NSNN khác	2.234.768.383	-	99.277.125	10.637.667.472	-	12.773.158.730	-
Cộng	6.417.335.298	-	151.777.566.261	160.951.144.722	-	15.590.913.759	-

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 04/01/2016	93.564.899.468	27.710.527.647	7.004.421.798	998.989.999	129.278.838.912
Mua trong kỳ	-	1.920.000.000	-	53.181.818	1.973.181.818
Thanh lý, nhượng bán	-	(50.000.000)	-	-	(50.000.000)
Cải tạo, nâng cấp	311.380.000	-	-	-	311.380.000
Số dư tại 31/12/2016	93.876.279.468	29.580.527.647	7.004.421.798	1.052.171.817	131.513.400.730
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 04/01/2016	52.631.228.313	14.693.593.161	3.980.529.892	540.966.946	71.846.318.312
Khấu hao trong kỳ	3.341.497.963	1.703.971.249	527.069.039	146.241.087	5.718.779.338
Thanh lý, nhượng bán	-	(50.000.000)	-	-	(50.000.000)
Số dư tại 31/12/2016	55.972.726.276	16.347.564.410	4.507.598.931	687.208.033	77.515.097.650
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 04/01/2016	40.933.671.155	13.016.934.486	3.023.891.906	458.023.053	57.432.520.600
Số dư tại 31/12/2016	37.903.553.192	13.232.963.237	2.496.822.867	364.963.784	53.998.303.080

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao còn sử dụng là 3.957.043.030 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất có thời hạn VND	Phần mềm VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 04/01/2016	3.423.426.876	430.500.000	62.855.182	3.916.782.058
Giảm khác	-	-	(62.855.182)	(62.855.182)
Số dư tại ngày 31/12/2016	3.423.426.876	430.500.000	-	3.853.926.876
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại ngày 04/01/2016	841.829.561	323.166.667	31.427.592	1.196.423.820
Khấu hao trong kỳ	132.792.670	56.000.002	31.427.590	220.220.262
Giảm khác	-	-	(62.855.182)	(62.855.182)
Số dư tại ngày 31/12/2016	974.622.231	379.166.669	-	1.353.788.900
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư tại ngày 04/01/2016	2.581.597.315	107.333.333	31.427.590	2.720.358.238
Số dư tại ngày 31/12/2016	2.448.804.645	51.333.331	-	2.500.137.976

Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng là 274.734.982 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016 VND	04/01/2016 VND
Công trình số 58 Lý Thái Tổ	3.888.548.810	3.888.548.810
Công trình kho Thường Tín	369.183.273	369.183.273
Công trình số 2 Phạm Ngọc Thạch	171.625.727	-
Cộng	4.429.357.810	4.257.732.083

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 2, Phố Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016
đến ngày 30/06/2016

MÃ SỐ B09 – DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

11. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Các khoản điều chỉnh tăng/giảm giá trị khoản đầu tư trong kỳ										
	Giá gốc của khoản đầu tư		Giá trị ghi sổ lũy kế tại thời điểm đầu kỳ		Khoản điều chỉnh		Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành		Tặng/(Giảm) khác		Giá trị ghi sổ lũy kế tại thời điểm cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất Nhập khẩu	3.188.457.664	3.188.457.664	5.518.995.242	(2.362.500.000)	-	(9.624.538)	-	-	-	6.335.328.368	
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Vitranimex (i)	15.441.348.279	15.583.050.000	-	-	-	(15.583.050.000)	-	-	-	-	
Công ty CP Thực phẩm và Nước giải khát Dona Newtower	54.877.127.996	59.041.186.261	9.359.494.072	-	(605.002.269)	(4.164.058.266)	-	-	-	63.631.619.798	
Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	58.981.600.000	79.766.047.144	8.522.976.866	(7.077.792.000)	(1.229.305.740)	1.187.703.750	-	-	-	81.169.630.020	
Công ty Cổ phần Cảng Rau Quả	57.765.780.000	67.953.074.673	5.725.085.804	(6.917.254.197)	(4.916.646.600)	-	-	-	-	61.844.259.680	
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Rau Quả	9.433.351.517	9.433.351.517	562.130.080	-	(534.023.576)	-	-	-	-	9.461.458.021	
Công ty Liên doanh TNHH TOVECAN	27.719.562.751	27.719.562.751	511.960.303	-	-	-	-	-	-	28.231.523.054	
Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD	1.155.755.413	1.155.755.413	61.315.268	(54.080.000)	(7.235.268)	-	-	-	-	1.155.755.413	
Công ty XNK Rau quả Thanh Hoá	4.506.659.196	4.506.659.196	(733.536.553)	-	-	(88.555.734)	-	-	-	3.684.566.909	
Công ty Cổ phần Thực phẩm XK Tân Bình	20.152.093.367	20.152.093.367	1.652.289.760	-	-	-	-	-	-	21.804.383.127	
Công ty CP Sản xuất & Dịch vụ XNK rau quả Sài Gòn (ii)	3.748.075.000	4.067.491.971	-	-	-	(4.067.491.971)	-	-	-	-	
Tổng cộng	256.969.811.183	292.566.729.957	31.180.710.842	(16.411.626.197)	(7.292.213.453)	(22.725.076.759)	(27.292.213.453)	(22.725.076.759)	(22.725.076.759)	277.318.524.390	

(i) Tổng Công ty thực hiện giám vốn vào công ty liên doanh liên kết là Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại (VITRALIMEX) theo hợp đồng ký ngày 15/09/2016 về việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần cho ông Bùi Văn Long với tổng giá trị là 26.950.000.000 đồng. Tổng số lượng cổ phiếu chuyển nhượng là 122.500 cổ phiếu, trong đó bao gồm 51.520 cổ phiếu nhận từ chia cổ tức. Lợi nhuận phát sinh từ giao dịch này là 15.583.050.000 VND.

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 2, Phố Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016
đến ngày 30/06/2016

MÀU SỐ B09 – DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

11. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Tiếp theo)

(ii) Tổng công ty thực hiện giám vốn góp đầu tư vào công ty liên doanh liên kết là Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Xuất Nhập khẩu Rau quả Sài Gòn theo phương thức chuyển nhượng toàn bộ cổ phần cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Điều Việt Hà theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 27/05/2016, theo đó giá chuyển nhượng là 25.000 đồng/cổ phần. Tổng giá trị hợp đồng là 9.287.500.000 đồng.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Thực phẩm XK Tân Bình	TP. HCM	20,00%	Sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm
2	Công ty XNK Rau quả Thanh Hoá	Thanh Hóa	21,00%	Sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm
3	Công ty Hợp sắt TOVECAN (Tovecan Corporation Limited)	TP. HCM	22,64%	Sản xuất vỏ hộp sắt
4	Công ty CP Thực phẩm và Nước giải khát Dona Newtown	Đông Nai	32,36%	Sản xuất kinh doanh nước giải khát trái cây
5	Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất Nhập khẩu	Hà Nội	35,00%	Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư nông sản
6	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD	Hà Nội	36,00%	Xây dựng, vật liệu xây dựng
7	Công ty Cổ phần Cánh Rau Quả	TP. HCM	38,43%	Sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm
8	Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	TP. HCM	39,13%	Sản xuất kinh doanh bao bì hộp sắt
9	Công ty Cổ phần XNK Rau Quả	TP. HCM	45,00%	Sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm

**TÓNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 2, Phố Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016
đến ngày 30/06/2016

MÃU SỐ B09 – DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

12. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	31/12/2016		04/01/2016					
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Rau quả Tiên Giang	200.000	3.125.003.792	(*)	-	200.000	3.125.003.792	(*)	-
Công ty CP TPXK Đồng Giao	400.000	6.861.472.869	(*)	-	400.000	6.861.472.869	(*)	-
Công ty Liên doanh TNHH Crown Hà Nội	174.880	1.891.647.209	(*)	-	174.880	1.891.647.209	(*)	-
Công ty CP XNK Nông Lâm Sản Chế biến	11.892	2.430.117.352	(*)	-	11.892	2.430.117.352	(*)	-
Công ty CP XNK RQ Hải Phòng	112.949	1.397.928.331	(*)	-	112.949	1.397.928.331	(*)	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà (i)	18.710.400	280.356.698.900	-	-	586.776	6.350.306.419	(*)	-
Cộng		376.484.305.253				102.477.912.772		

Thông tin chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu/Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty Rau quả Tiên Giang	Tiên Giang	10,00%	Sản xuất kinh doanh rau quả hộp, đông lạnh
2	Công ty CP TPXK Đồng Giao	Ninh Bình	10,00%	Sản xuất kinh doanh rau quả hộp, đông lạnh
3	Công ty Liên doanh TNHH Crown Hà Nội	Hà Nội	14,40%	Sản xuất lon nhôm
4	Công ty Cổ phần VIAN	Hà Nội	14,57%	Sản xuất. Kinh doanh nước quả đóng hộp
5	Công ty CP XNK Nông Lâm Sản Chế biến	Hà Nội	16,52%	Sản xuất kinh doanh nông lâm sản, giống cây
6	Công ty CP XNK RQ Hải Phòng	Hải Phòng	18,83%	Sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm
7	Công ty CP XNK Rau quả I	Hà Nội	19,46%	Sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm
8	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà (i)	Ninh Bình	36,10%	Sản xuất kinh doanh rau quả hộp đông lạnh

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

12. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)

(i) Đây là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà bằng việc thực hiện mua cổ phần theo Quyết định về việc ban hành Quy chế bán đấu giá có phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà và hợp đồng chuyển nhượng vốn số 02/HĐCNC/P/H-VEGETEXCO ngày 17/03/2016. Theo đó, Tổng Công ty nắm giữ 27.758.089 cổ phần tương ứng với 36,10% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà chưa thực hiện Đại hội Cổ đông lần đầu tiên, do vậy, số cổ phần đầu tư vào Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà đang trình bày tại chỉ tiêu “Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác”.

(*) Tổng Công ty không có căn cứ xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

13. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công cụ dụng cụ xuất dùng

Cộng

31/12/2016	04/01/2016
VND	VND

48.435.519	404.659.240
48.435.519	404.659.240

b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí thuê đất

Lợi thế thương mại (i)

Công cụ dụng cụ xuất dùng

Cộng

13.559.729.166	13.926.208.333
2.991.025.586	4.486.538.379
1.156.226.479	1.271.446.276
17.706.981.231	19.684.192.988

(i) Lợi thế thương mại được ghi nhận khi Tổng Công ty chuyển đổi hoạt động từ loại hình doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần. Lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian là 3 năm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016		04/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
a. Phải trả khách hàng về UPAS trả chậm nước ngoài liên quan đến các khách hàng (i)				
PT.Charoen Pokphand Indonesia	462.256.407.000	462.256.407.000	-	-
PT.Japfa Comfeed Indonesia TBK	367.487.904.720	367.487.904.720	-	-
Midstar	321.885.960.000	321.885.960.000	-	-
CHS Eerope Sarl	736.447.632.990	736.447.632.990	-	-
Marubeni Grain	417.991.387.265	417.991.387.265	-	-
Ulusoy Un Sanayi Ve Ticaret A.S	220.749.637.500	220.749.637.500	-	-
Engelhart	212.497.501.566	212.497.501.566	-	-
Posco Daewoo Corporation	150.081.038.100	150.081.038.100	-	-
b. Phải trả người bán trong nước				
Công ty Cổ phần Đầu tư Hoàn Kiếm	622.975.906.280	622.975.906.280	-	-
Phải trả người bán khác	107.897.333.695	107.897.333.695	10.935.859.926	10.935.859.926
Cộng	3.620.270.709.116	3.620.270.709.116	10.935.859.926	10.935.859.926

(i) Công ty thực hiện mở UPAS trả chậm tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) để thực hiện thanh toán trả chậm cho các đơn hàng mua nhập khẩu. Thời gian trả chậm từ 5 đến 8 tháng tùy từng UPAS phát sinh. Phí UPAS áp dụng là từ 2,93% đến 3,36%. Toán bộ gốc và phí phát sinh được thanh toán 1 lần khi đến hạn.

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 2, Phố Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016
đến ngày 30/06/2016

MÀU SỐ B09 – DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Công ty Cổ phần Hum	31/12/2016	04/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Hum	173.785.983.080	-
Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Tài chính Quốc tế	27.096.732.168	-
Công ty Cổ phần WILSON Việt Nam	234.320.000	-
Các đối tượng khác	10.400.000	188.501.183
Cộng	201.127.435.248	188.501.183

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi phí lãi vay trích trước	31/12/2016	04/01/2016
	VND	VND
Trích trước phí UPAS	8.547.340.277	-
Chi phí bốc xếp hàng	44.381.361.547	-
Chi phí khác	82.741.519	497.540.962
	532.701.060	19.186.671
Cộng	53.544.144.403	516.727.633

TÔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN CÔNG TY CỔ PHẦNSố 2, Phố Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016 đến ngày 30/06/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MÀU SỐ B09 - DN/HN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****17. Phải trả phải nộp ngắn hạn/dài hạn khác****a. Phải trả ngắn hạn khác**

- Kinh phí công đoàn;
- Bảo hiểm xã hội;
- Phải trả tiền cò phần hóa
- Các khoản phải trả, phải nộp khác

Phải trả về cửa hàng rau sạch

Phải trả tiền phí báo quản dự trữ quốc gia

Công ty TNHH MTV Gia Bảo Việt (i)

Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T (ii)

Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ Nghệ (iii)

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Quốc Tế (iii)

Công ty Cổ phần Đầu tư Hoàn Kiếm (iii)

Phí dịch vụ tư vấn hoàn thành quá trình cò phần hóa

Trợ cấp thôi việc Tạ Đình Thọ

Trợ cấp thôi việc Đào Sinh Khánh

Phí kiểm toán bán giao xác định giá trị doanh nghiệp

Công ty Thực phẩm Xuất khẩu Tân Bình

Các khoản phải trả khác

Cộng**b. Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan***(Xem tại thuyết minh VII.2)*

	31/12/2016	04/01/2016
	VND	VND
	70.115.638	45.692.720
	-	5.958.171
	9.417.885.385	50.228.257.099
	710.921.744.672	2.358.269.305
	-	10.362.967
	44.685.000	241.588.634
	484.125.000.000	-
	191.646.298.900	-
	13.259.620.027	-
	13.544.217.620	-
	5.223.534.948	-
	-	130.000.000
	-	158.057.320
	-	121.406.250
	-	150.000.000
	-	1.073.902.292
	3.078.388.177	472.951.842
	720.409.745.695	52.638.177.295
	204.905.918.927	-

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 2, Phố Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016 đến ngày 30/06/2016

MÃU SỐ B09 - DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

17. Phải trả phải nộp ngắn hạn/dài hạn khác (Tiếp theo)

b. Phải trả dài hạn khác

- Nhận ký cược ký quỹ dài hạn

Cộng

	31/12/2016	04/01/2016
	VND	VND
	3.548.800.000	-
	3.548.800.000	-

(i) Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01-2016/HTKD/VEG-GBV ngày 20/09/2016 giữa Công ty TNHH MTV Gia Bảo Việt và Tổng công ty rau quả, nông sản - Công ty Cổ phần, hai bên cùng thực hiện việc Hợp tác đầu tư kinh doanh nông sản và thương mại. Hình thức hợp tác: Hai bên cùng góp vốn triển khai các dự án đầu tư mà Tổng Công ty rau quả, nông sản - Công ty cổ phần đang thực hiện. Thời hạn hợp tác: 6 tháng. Tổng vốn đầu tư: 1.694.282.600.000 đồng. Theo đó, Công ty TNHH MTV Gia Bảo Việt góp 495.000.000.000 đồng, Tổng Công ty góp 1.199.282.600.000 đồng. Lợi nhuận được chia theo tỉ lệ vốn góp thực tế vào thời điểm kết thúc hợp đồng.

(ii) Khoản phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 032016/HĐHTĐT/T&T ngày 22 tháng 01 năm 2016 và các phụ lục hợp đồng số 01-032016/HĐHTĐT/T&T ngày 15 tháng 01 năm 2016 và phụ lục hợp đồng số 02-032016/HĐHTĐT/T&T ngày 22 tháng 04 năm 2016, theo đó, Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần hợp tác cùng Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T cùng mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà, trong đó phần vốn góp của T&T là 191.646.298.900 đồng và phần vốn góp của Tổng Công ty là 88.710.400.000 đồng. Tổng Công ty chịu trách nhiệm đứng tên toàn bộ số cổ phiếu trúng đấu giá. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư sẽ được chia theo tỉ lệ góp vốn.

(iii) Đây là những khoản phải trả tiền lãi tương ứng với những khoản ứng trước của các hợp mua bán hàng hóa đối với những khách hàng nêu trên.

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN CÔNG TY CỔ PHẦNSố 2, Phố Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016 đến ngày 30/06/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MÃU SỐ B09 - DN/HN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2016		Phát sinh		04/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng	-	-	82.789.818.909	87.675.711.697	4.885.892.788	4.885.892.788
Ngân hàng Bưu điện Liên Việt	-	-	-	728.358.288	728.358.288	728.358.288
Ngân hàng Eximbank - CN Long Biên	-	-	810.790.020	4.968.324.520	4.157.534.500	4.157.534.500
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Định	-	-	31.979.028.889	31.979.028.889	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hải Thủy	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-
Vay cá nhân (i)	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-	-
Nguyễn Ngọc Nghi	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-
Nguyễn Tất Hiếu	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-
Nguyễn Phú Quân	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-
Vũ Ngọc Tuấn	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-
Cộng	40.000.000.000	40.000.000.000	122.789.818.909	87.675.711.697	4.885.892.788	4.885.892.788

(i) Các khoản vay cá nhân có thời hạn dưới 1 năm, lãi suất cho vay là 8,5%/năm.

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN CÔNG TY CỔ PHẦNSố 2, Phố Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016 đến ngày 30/06/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU SỐ B09 – DN/HN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****20. Vốn góp của chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá của tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp VND	Lợi ích có đồng không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 04/01/2016	633.738.138.626	22.421.127.209	16.323.004.781	35.277.501.803	186.517.990	605.290.241	708.551.580.650
Vốn góp tăng trong kỳ	79.261.861.374	(22.421.127.209)	(16.323.004.781)	-	(186.517.990)	-	40.331.211.394
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	42.400.814.214	-	(153.408.621)	42.247.405.593
Giảm do thu tiền cổ tức năm 2015 đã ghi nhận	-	-	-	(4.305.759.986)	-	-	(4.305.759.986)
Số dư tại ngày 31/12/2016 (i)	713.000.000.000	-	-	73.372.556.031	-	451.881.629	786.824.437.651

(i) Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đã ghi nhận giá trị khoản mục vốn góp của chủ sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào thời điểm bắt đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần. Tuy nhiên, biên bản xác định vốn với Nhà nước của Tổng công ty chưa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

20. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

a. Cơ cấu vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	24.955.000	35,00%
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	10.695.000	15,00%
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủ công Mỹ Nghệ	7.130.000	10,00%
Các cổ đông khác	28.520.000	40,00%
Tổng cộng	71.300.000	100%

b. Cổ phiếu

	31/12/2016	04/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	71.300.000	71.300.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	71.300.000	71.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	71.300.000	71.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	71.300.000	71.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	71.300.000	71.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

18. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có ít rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty trong kỳ gồm hai hoạt động: hoạt động trồng hoa để bán và hoạt động thương mại bán các sản phẩm nông nghiệp. Tuy nhiên, trong kỳ hoạt động từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động trồng hoa để bán chưa chiếm đến 10% doanh thu phát sinh và lợi nhuận trong kỳ. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016
đến ngày 31/12/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MÃU SỐ B09 – DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****18. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)****Bộ phận theo khu vực địa lý**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Văn phòng Tổng Công ty và Công ty Giống Rau quả Trung Ương - Chi nhánh Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần có trụ sở đặt tại số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Đồng thời, Công ty có một đơn vị trực thuộc là Công ty Chế biến Điều và Nông sản Vegetexco tại tỉnh Bình Phước. Tổng Công ty trình bày báo cáo theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần về bán hàng và giá trị còn lại của các tài sản bộ phận cho kỳ hoạt động từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa dịch vụ:

	Khu vực Hà Nội VND	Khu vực Bình Phước VND	Khu vực Hưng Yên VND	Tổng cộng VND
1. Doanh thu thuần về bán hàng	3.922.761.665.176	224.471.851.221	-	4.147.233.516.397
2. Tài sản bộ phận	5.319.182.090.376	83.334.151.537	40.241.388.815	5.442.757.630.728

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	4.146.328.027.426
Doanh thu cho thuê mặt bằng	905.488.971
Cộng	4.147.233.516.397

2. Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	4.043.134.795.347
Giá vốn cho thuê mặt bằng	727.641.064
Cộng	4.043.862.436.411

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016
đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	98.913.844.414
Chênh lệch tỉ giá phát sinh trong năm	817.884.352
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần	22.113.873.331
Lãi phạt khách hàng chậm thanh toán	544.105.034
Chênh lệch tỉ giá đánh giá lại tại thời điểm cuối năm	694.269.582
Cộng	123.083.976.713

4. Chi phí tài chính

	Từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
Chi phí lãi vay	9.127.650.696
Chênh lệch tỉ giá phát sinh trong năm	59.349.281.988
Chi phí UPAS trả chậm	77.265.513.803
Chi phí khác	256.422.820
Cộng	145.998.869.307

5. Chi phí bán hàng

	Từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
Chi phí nhân viên	3.309.527.869
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	832.545.131
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	29.768.604
Chi phí khấu hao	22.738.986
Chi phí mua ngoài	836.167.546
Chi phí bằng tiền khác	2.796.163.484
Cộng	7.826.911.620

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 04/01/2016

đến ngày 31/12/2016

MẪU SỐ B09 – DN/HN

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	17.586.541.754
Chi phí vật liệu quản lý	969.156.353
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.018.074.060
Chi phí khấu hao	3.357.429.231
Thuê, phí, lệ phí	4.648.058.335
Trích lập dự phòng phải thu	6.325.387.510
Tiền thuê đất giảm theo QĐ 1452/QĐ-CT năm 2013 và 2014	(1.054.080.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	10.227.919.779
Cộng	45.078.487.022

7. Thu nhập khác

	Từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	9.090.909
Các khoản thu nhập khác	829.329.595
Khoản thưởng nhận từ nhà cung cấp	449.055.748
Cộng	1.287.476.252

8. Chi phí khác

	Từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
Chi phí khấu hao TSCĐ không sử dụng	494.900.119
Chi phí khác	1.089.921.432
Cộng	1.584.821.551

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 04/01/2016

đến ngày 31/12/2016

MẪU SỐ B09 – DN/HN

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**9. Chi phí thuế TNDN**

	Từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
a. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.661.482.551
- Chi phí thuế TNDN hiện hành của công ty mẹ	5.661.482.551
- Chi phí thuế TNDN hiện hành của công ty con	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	5.661.482.551
b. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản trích lập dự phòng công ty con, công ty liên kết	440.553.976
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	440.553.976

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	42.247.405.593
Lợi nhuận sau thuế TNDN phân bổ cho các cổ đông công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	42.400.814.214
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	71.300.000
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	71.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	595
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	595

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	85.707.518.636
Chi phí nhân công	30.906.814.811
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.938.999.600
Chi phí dự phòng	6.325.387.510
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.250.692.165
Chi phí khác bằng tiền	4.361.274.292
Cộng	144.490.687.014

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016
đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	31/12/2016	04/01/2016
	VND	VND
Các khoản vay	40.000.000.000	4.885.892.788
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	78.920.807.008	189.772.793.809
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	786.824.437.651	708.551.580.650
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,00%	0,00%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số IV. "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu".

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	04/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.920.807.008	189.772.793.809
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.438.830.654.175	74.922.085.146
Cộng	4.894.235.766.436	367.172.791.727
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	40.000.000.000	4.885.892.788
Phải trả người bán và phải trả khác	4.344.229.254.811	63.574.037.221
Chi phí phải trả	53.544.144.403	516.727.633
Cộng	4.437.773.399.214	68.976.657.642

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro vốn (Tiếp theo)

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế..

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.920.807.008	-	78.920.807.008
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.287.618.383.246	151.212.270.929	4.438.830.654.175
Đầu tư dài hạn	-	376.484.305.253	376.484.305.253
Cộng	4.366.539.190.254	527.696.576.182	4.894.235.766.436
Tại 31/12/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	4.340.680.454.811	3.548.800.000	4.344.229.254.811
Chi phí phải trả	53.544.144.403	-	53.544.144.403
Cộng	4.394.224.599.214	3.548.800.000	4.397.773.399.214
Chênh lệch thanh khoản thuần	(27.685.408.960)	524.147.776.182	496.462.367.222

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016
đến ngày 31/12/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B09 – DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 04/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	189.772.793.809	-	189.772.793.809
Phải thu khách hàng và phải thu khác	74.922.085.146	-	74.922.085.146
Đầu tư dài hạn	-	102.477.912.772	102.477.912.772
Cộng	264.694.878.955	102.477.912.772	367.172.791.727
Tại 04/01/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	63.574.037.221	-	63.574.037.221
Chi phí phải trả	516.727.633	-	516.727.633
Các khoản vay	4.885.892.788	-	4.885.892.788
Cộng	68.976.657.642	-	68.976.657.642
Chênh lệch thanh khoản thuần	195.718.221.313	102.477.912.772	298.196.134.085

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan*Danh sách các bên liên quan:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Hai thành viên Chipsgood-Vegetexco	Công ty con
Công ty CP Thực phẩm Xuất Khẩu Tân Bình	Công ty liên kết
Công ty XNK Rau quả Thanh Hoá	Công ty liên kết
Công ty Hợp sắt TOVECAN (Tovecan Corporation Limited)	Công ty liên kết
Công ty XNK Điều và Nông sản TP.HCM (Vinalimex)	Công ty liên kết
Công ty CP Sản xuất & Dịch vụ XNK rau quả Sài Gòn	Công ty liên kết
CTCP Thực phẩm và Nước giải khát Donanewtower	Công ty liên kết
Công ty CP Vật tư và Xuất nhập khẩu	Công ty liên kết
Công ty CP Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng	Công ty liên kết
Công ty CP Cảng Rau Quả Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty CP in và bao bì Mỹ Châu	Công ty liên kết
Công ty CP XNK Rau Quả SG	Công ty liên kết
Công ty TNHH T&T Hưng Yên	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủ công Mỹ Nghệ	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	Chủ sở hữu

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016
đến ngày 31/12/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MÀU SỐ B09 – ĐN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên Quan (Tiếp theo)***Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:*

	31/12/2016	04/01/2016
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	88.468.536.101	-
Công ty TNHH T&T Hưng Yên	14.201.102.397	-
Công ty CP XNK Thủ công Mỹ Nghệ	74.267.433.704	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	3.955.795.140.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	3.495.795.140.000	-
Công ty Cổ phần XNK Thủ Công Mỹ Nghệ	460.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	106.103.405.497	15.753.676.261
Công ty Cổ phần tập đoàn T&T	89.584.617.236	-
Công ty CP XNK Thủ công Mỹ Nghệ	7.590.000.000	-
Công ty CP In và Bao bì Mỹ Châu	4.128.712.000	2.949.080.000
Công ty CP Càng rau quả	2.525.280.000	9.469.800.000
Công Ty CP Thực phẩm Xuất khẩu Đồng Giao	2.274.796.261	3.334.796.261
Phải trả ngắn hạn khác	204.905.918.927	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	191.646.298.900	-
Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ Nghệ	13.259.620.027	-
		Từ ngày
		04/01/2016 đến
		ngày 31/12/2016
		VND
Doanh thu bán hàng		
Công ty TNHH T&T Hưng Yên		34.230.000.000
Thu tiền bán hàng		
Công ty TNHH T&T Hưng Yên		20.028.897.603
Cổ tức được chia		
Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu		7.077.792.000
Công ty Cổ phần Càng rau quả		2.525.280.000
Công Ty CP Thực phẩm Xuất khẩu Đồng Giao		440.000.000
Công ty CP Vật tư và Xuất nhập khẩu		2.362.500.000
Cổ tức đã nhận bằng tiền		
Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu		5.898.160.000
Công ty Cổ phần Càng rau quả		9.469.800.000
Công Ty CP Thực phẩm Xuất khẩu Đồng Giao		1.500.000.000
Công ty CP Vật tư và Xuất nhập khẩu		2.462.500.000
CTCP Thực phẩm và Nước giải khát Donanewtower		4.163.114.000
Chi tiền cho vay		
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T		3.495.795.140.000
Công ty Cổ phần XNK Thủ Công Mỹ Nghệ		460.000.000.000
Thu tiền hợp tác đầu tư		
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T		191.646.298.900

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016
đến ngày 31/12/2016

MÀU SỐ B09 – DN/HN

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên Quan (Tiếp theo)

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
Thu nhập của Ban Tổng giám đốc	679.433.335
Cộng	<u>679.433.335</u>

3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Số liệu so sánh

Kỳ kế toán từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là kỳ kế toán đầu tiên Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, đồng thời là kỳ đầu tiên Tổng Công ty thực hiện lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó không có số liệu so sánh tại ngày 04 tháng 01 năm 2016 trên Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cũng như Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyễn Thị Linh

Người lập

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Thị Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Bình

Tổng Giám đốc